

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2014/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 13 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ 24 tháng 11 năm 2014 và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất ngày 19 tháng 11 năm 2014 và thay thế Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định về Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Lê Hùng Dũng

QUY ĐỊNH
VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC NỘI
DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân
dân thành phố Cần Thơ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Cùng với Luật Đất đai 2013 và các Nghị định của Chính phủ, Quy định này quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng (thực hiện Điều 2 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 (gọi tắt là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) và Điều 2 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 (gọi tắt là Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT)).

1. Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, kế hoạch và đầu tư, xây dựng, tài chính và các cơ quan khác có liên quan; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn.

2. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất).

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Ủy quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chương II
BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

Điều 4. Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với Cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng tiền theo giá bồi thường đất phi nông nghiệp.

Điều 5. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đồng quyền sử dụng đất tự thỏa thuận, phân chia tiền bồi thường về đất, trường hợp không tự thỏa thuận được thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án hướng dẫn ra Tòa án để phân chia theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Bồi thường chi phí hợp lý đầu tư vào đất còn lại

Các trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai mà không có hồ sơ, chứng từ chứng minh các khoản chi phí đã đầu tư vào đất còn lại (trừ trường hợp quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Điều 18 của Quy định này) thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo mức sau:

1. Đối với đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản: 20.000 đồng/m² (tính cho cả thời hạn sử dụng đất).

2. Đối với đất phi nông nghiệp (được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, cho thuê theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai): 30.000 đồng/m² (tính cho cả thời hạn sử dụng đất).

Chương III

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ TÀI SẢN

Điều 7. Đơn giá xây dựng mới đối với nhà, công trình để tính bồi thường

1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai: đơn giá bồi thường áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì việc bồi thường thực hiện như sau:

a) Vận dụng, áp dụng đơn giá xây dựng mới theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Trong trường hợp không vận dụng, áp dụng được theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố thì tùy thuộc tính chất công trình, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định đơn giá xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phương pháp sau:

- Vận dụng chi phí xây dựng trong bảng suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố tại thời điểm tính toán và nhân với chỉ số giá (phần xây dựng công trình) do Sở Xây dựng công bố xác định tại thời điểm tính toán.

- Trường hợp không vận dụng được đơn giá xây dựng mới theo Quy định trên thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ biên bản điều tra hiện trạng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất) để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân đủ năng lực căn cứ vào hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình hoặc lập lại thiết kế dự toán (trường hợp không có hồ sơ hoàn công hoặc thiết kế của công trình, quyết toán) để lập dự toán xây dựng công trình mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Trên cơ sở hồ sơ bản vẽ hiện trạng, dự toán xây dựng mới của đơn vị tư vấn lập, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi Phòng Quản lý đô thị quận, Phòng Kinh tế huyện hoặc Sở quản lý chuyên ngành thẩm tra, làm cơ sở Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án báo cáo Hội đồng Thẩm định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố để được hướng dẫn.

Điều 8. Bồi thường đối với nhà, công trình khác bị phá dỡ một phần khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được thì được bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình; hoặc nhà, công trình xây dựng bị phá dỡ làm ảnh hưởng đến các công trình khác trong cùng một khuôn viên đất nhưng vẫn tồn tại, song không thể sử dụng được theo thiết kế, quy hoạch xây dựng ban đầu thì được bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì ngoài việc được bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ còn được hỗ trợ thêm 5% giá trị phần xây dựng được bồi thường, hỗ trợ để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại nhưng tối thiểu không thấp hơn 5.000.000 đồng/hộ.

3. Đối với nhà kiên cố phải phá dỡ một phần, ranh giải tỏa cát sán và đà ở giữa hai cột chịu lực thì được tính bồi thường, hỗ trợ phần vật kiến trúc từ ranh giải tỏa vào đến cột chịu lực gần nhất của công trình kiến trúc phải phá dỡ.

4. Đối với nhà phá dỡ một phần mà diện tích còn lại chỉ còn cầu thang, nhà vệ sinh thì được bồi thường toàn bộ diện tích nhà.

Điều 9. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước

Người sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố đối với từng hạng mục được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp (trừ trường hợp xây dựng coi như trái phép, xây dựng trên khuôn viên đất lưu không của nhà đó).

Phần diện tích xây dựng coi như trái phép, xây dựng trên khuôn viên đất lưu không thì không được bồi thường, nhưng được xét hỗ trợ theo Điều 10 Quy định này.

Điều 10. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không có các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP

1. Hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường đối với các nhà, công trình xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

2. Hỗ trợ bằng 60% mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước 01 tháng 7 năm 2004 mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

3. Hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày công bố quy hoạch thực hiện dự án mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

4. Nhà, công trình không hợp pháp được tạo lập kể từ ngày công bố quy hoạch dự án trở về sau không được hỗ trợ.

Điều 11. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối với nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí để di chuyển, cụ thể như sau:

- Nhà lầu (không phân biệt sàn bê tông hay sàn ván): 7.000.000 đồng/hộ;

- Nhà còn lại: 5.000.000 đồng/hộ;

Trong trường hợp một hộ gia đình, cá nhân có nhiều nhà ở trên các thửa đất khác nhau bị ảnh hưởng trong cùng một dự án thì được hỗ trợ theo từng vị trí, mức hỗ trợ theo quy định phần trên.

2. Đối với cơ sở sản xuất, nhà xưởng:

Đối với hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất và tài sản hợp pháp có thể tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ biên bản điều tra hiện trạng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại (bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất), gửi Sở quản lý chuyên ngành thẩm định, căn cứ vào kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Điều 12. Bồi thường di chuyển mồ mả

1. Trường hợp hộ gia đình di chuyển mồ mả về khu đất do Nhà nước bố trí thì được bồi thường di chuyển mồ mả (mộ an táng) theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trường hợp gia đình tự lo đất di chuyển mồ mả thì ngoài phần bồi thường di chuyển theo Khoản 1 Điều này, hộ gia đình được hỗ trợ thêm chi phí về đất đai là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/mộ.

3. Mộ xây có kiến trúc đặc biệt: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn đủ năng lực lập dự toán gửi Phòng Quản lý Đô thị quận, Phòng Kinh tế huyện, thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt.

4. Đối với mộ vắng chủ: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (hoặc cá nhân) để di chuyển mộ, chi phí di chuyển thực hiện theo hợp đồng nhưng không quá số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Khoản 1, 2 Điều này.

5. Đối với mộ cải táng: Mức bồi thường, hỗ trợ được tính bằng 50% của mộ an táng.

Điều 13. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi

1. Đối với cây trồng:

Nguyên tắc, đơn giá bồi thường cây trồng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản:

Nếu tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại do phải thu hoạch sớm, đơn giá để tính bồi thường theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong trường hợp có thể di chuyển đến cơ sở mới, thì được hỗ trợ di chuyển, mức hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường.

Điều 14. Bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP.

a) Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Diện tích đất ở và các loại đất khác có đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ trong cùng thửa với đất ở trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng, thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ (một lần) về đất bằng 80% đơn giá bồi thường về đất cùng loại.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, được hỗ trợ một lần về đất bằng 30% đơn giá bồi thường về đất trồng cây lâu năm.

b) Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình:

- Diện tích nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất, trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bồi thường, hỗ trợ bằng 70% đơn giá xây dựng mới theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Diện tích nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng thực tế đã xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ bằng 40% đối với công trình xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 và bằng 25% đối với công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn khi xây dựng đường dây dẫn điện trên không:

- Cây trồng có trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Nghị định 14/2014/NĐ-CP thì được bồi thường theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cây trồng có trước khi thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc loại không phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định 14/2014/NĐ-CP hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn

quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt tĩa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và được hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường đối với cây cùng loại.

2. Bồi thường thiệt hại khi xây dựng các công trình có hành lang bảo vệ khác: Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo, đề xuất Hội đồng Thẩm định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 15. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 nhân khẩu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/tháng theo giá 13.000 đồng/kg; chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó; chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương được ký kết theo nội dung hợp đồng lao động trong thời gian tối đa là 06 tháng; chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 16. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất

1. Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp

a) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân quận, huyện được phê duyệt mức hỗ trợ tối đa không quá 03 lần, trong trường hợp hỗ trợ cao hơn 03 lần thì báo cáo Hội đồng thẩm định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố để Hội đồng thẩm định thành phố đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT.

Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau:

- Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất.

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 15 của Quy định này

- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm:

Thực hiện theo công thức sau:

$S_{nnt} = S_{nth} : N \times (N - N1)$

Trong đó:

+ S_{nnt} : Là diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ.

+ Snth: Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ gia đình.

+ N: Tổng số nhân khẩu trong hộ khẩu.

+ N1: Số nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức

Giá đất để tính hỗ trợ theo giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

2. Trường hợp thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ:

Chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người bị thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 17. Hỗ trợ người đang thuê nhà không thuộc sở hữu Nhà nước

1. Đối với hộ gia đình: 3.000.000 đồng/hộ.

2. Đối với cá nhân: 1.000.000 đồng/người (*áp dụng cho trường hợp sinh viên, công nhân thuê nhà trọ*)

Điều 18. Hỗ trợ khác

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ thêm để ổn định đời sống bằng tiền cho các nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất. Thời gian và mức hỗ trợ quy định như sau:

a) Thời gian hỗ trợ là 06 tháng đối với trường hợp bị phá dỡ toàn bộ nhà ở và 03 tháng đối với trường hợp bị ảnh hưởng từ 30% diện tích xây dựng trở lên.

b) Mức hỗ trợ bằng tiền cho một nhân khẩu/tháng tương đương 30 kg gạo theo giá 13.000 đồng/kg (không áp dụng cho trường hợp đã được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Quy định này).

2. Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm di chuyển tạm cư:

Người bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở, mức hỗ trợ cụ thể:

a) Khu vực 1 (quận Ninh Kiều):

- Hộ có nhân khẩu từ 4 người trở xuống: 1.700.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 5 đến 8 người: 2.200.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 9 người trở lên: 2.700.000 đồng/hộ/tháng.

b) Khu vực 2 (gồm các quận: Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn và Thốt Nốt)

- Hộ có nhân khẩu từ 4 người trở xuống: 1.500.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 5 đến 8 người: 2.000.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 9 người trở lên: 2.500.000 đồng/hộ/tháng.

c) Khu vực 3 (các huyện):

- Hộ có nhân khẩu từ 4 người trở xuống: 1.200.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 5 đến 8 người: 1.500.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 9 người trở lên: 2.000.000 đồng/hộ/tháng.

Thời gian hỗ trợ tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 03 tháng để xây nhà.

3. Đối với hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định thì ngoài các khoản được hỗ trợ theo quy định còn được hỗ trợ thêm 7.200.000 đồng/hộ.

4. Đối với gia đình chính sách khi phải di chuyển chỗ ở (có giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), hỗ trợ thêm cho mỗi hộ gia đình như sau:

a) Gia đình Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động: 5.000.000 đồng/hộ.

b) Gia đình Thương binh, gia đình Liệt sĩ (cha, mẹ, vợ, chồng, con là Liệt sĩ): 3.000.000 đồng/hộ.

c) Gia đình có công với Cách mạng, gia đình Cách mạng lão thành: 2.000.000 đồng/hộ

d) Gia đình cán bộ hưu trí và các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên khác: 1.000.000 đồng/hộ.

Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng như nêu trên thì chỉ tính một mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

5. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh buôn bán nhỏ, có nộp thuế môn bài bị ảnh hưởng mất bằng kinh doanh phải sửa chữa hay xây dựng lại được hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ.

6. Đối với đất nông nghiệp đã san lấp mặt bằng nhưng không được bồi thường theo giá đất phi nông nghiệp thì ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp bị thu hồi còn được hỗ trợ chi phí san lấp bằng 60.000 đồng/m³ (khối lượng san lấp được tính theo khối lượng thực tế, có xác nhận của chính quyền địa phương).

7. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng:

a) Đối với các chủ sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất chấp hành tốt chủ trương, chính sách, kế hoạch bồi thường, di chuyển và giao mặt bằng đúng thời hạn sẽ được khen thưởng như sau:

- Chủ sử dụng đất nông nghiệp có đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định, đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ thì được thưởng 2.000 đồng/m², nhưng không quá 3.000.000 đồng/chủ sử dụng đất.

- Chủ sử dụng nhà ở, đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được khen thưởng 5% trên tổng giá trị tài sản, bao gồm: nhà, công trình, hoa màu nhưng không vượt quá định mức 5.000.000 đồng/hộ.

b) Trong trường hợp một hộ gia đình, cá nhân có nhiều nhà, công trình, hoa màu trên các thửa đất khác nhau thì được khen thưởng theo từng vị trí.

Chương V

TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 19. Giao đất tái định cư

1. Đối tượng được giao đất tái định cư:

a) Hộ gia đình, cá nhân, người Việt nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

b) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại Điều 14 của Quy định này phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn phường, xã, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

2. Diện tích được giao đất ở mới tại khu tái định cư tập trung:

Diện tích giao đất ở mới tại khu tái định cư tập trung cho mỗi hộ gia đình, cá nhân phù hợp với lô (nền) được phê duyệt trong quy hoạch chi tiết của mỗi dự án, nhưng diện tích giao đất ở mới cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tại khu tái định cư tập trung không vượt quá hạn mức giao đất ở mới theo quy định, cụ thể như sau:

Diện tích đất ở bị thu hồi	Diện tích giao đất ở mới
----------------------------	--------------------------

1. Từ 15m ² đến dưới 60 m ²	60 m ²
2. Từ 60m ² đến dưới 100m ²	Từ 60m ² đến 100 m ²
3. Từ 100m ² đến dưới 130 m ²	Từ 100m ² đến 130m ²
4. Trên 130m ²	Từ 130m ² đến 150m ²

Điều 20. Giao đất tái định cư đối với hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi

1. Trường hợp trong hộ gia đình được bồi thường về đất ở có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì thực hiện như sau:

a) Đối với chủ hộ (hộ chính) được giao đất tái định cư theo tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Quy định này.

b) Đối với các hộ phụ (hộ còn lại) thì mỗi hộ được xét cho mua 01 suất tái định cư với diện tích tối thiểu (60 m²).

2. Đối với trường hợp chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở thu hồi thì mỗi cặp vợ chồng được xem xét giao 01 suất đất tái định cư với diện tích tối thiểu bằng 60 m² nhưng tổng diện tích được giao không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi.

Điều 21. Tái định cư đối với các trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được xét cho mua 01 suất đất tái định cư tối thiểu (60m²).

2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày công bố quy hoạch thực hiện dự án mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được xét cho mua 01 suất đất tái định cư tối thiểu (60m²).

3. Hộ gia đình, cá nhân ở nhờ, ở đậu trên đất người khác, mà đất đủ điều kiện bồi thường, nếu có hộ khẩu thường trú tại vị trí đang ở nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được xét cho mua 01 suất đất tái định cư tối thiểu (60m²).

Điều 22. Suất tái định cư tối thiểu và hỗ trợ tái định cư

1. Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại Khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai và Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Cần Thơ bằng đất ở 60m².

Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở cụ thể tại nơi bố trí tái định cư của hộ gia đình, cá nhân.

2. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, tái định cư theo quy định này mà số tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều này thì được Nhà nước hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.

Điều 23. Hỗ trợ tự lo tái định cư

1. Khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định này, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp được bố trí tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng đối với phần diện tích được bố trí tái định cư nhưng tối đa không vượt quá 150m² tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Quy định này, cụ thể như sau:

a) Quận: Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng: 1.300.000 đồng/m².

b) Quận: Thốt Nốt và Ô Môn; huyện Phong Điền: 1.200.000 đồng/m².

c) Huyện: Vĩnh Thạnh, Thới Lai và Cờ Đỏ: 1.000.000 đồng/m².

2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở được xét mua nền tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng 50% suất đầu tư hạ tầng đối với phần diện tích được xét mua nền tái định cư, cụ thể như sau:

a) Quận: Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng: 650.000 đồng/m².

b) Quận: Thốt Nốt và Ô Môn; huyện Phong Điền: 600.000 đồng/m².

c) Huyện: Vĩnh Thạnh, Thới Lai và Cờ Đỏ: 500.000 đồng/m².

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.

2. Ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền.

3. Quyết định thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Tổ công tác, chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền; chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận, huyện như sau:

a) Kế hoạch điều tra, kiểm đếm;

b) Kế hoạch, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng;

c) Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng chủ sử dụng nhà đất cụ thể;

d) Dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Phương án bố trí tái định cư và quy chế bốc thăm.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức.

6. Ban hành các Quyết định: Kiểm đếm bắt buộc; Cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc; Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện các Quyết định nêu trên theo quy định.

7. Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư (nếu có) trước khi thu hồi đất. Khu tái định cư tập trung phải đảm bảo cơ sở hạ tầng đồng bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Chủ trì phối hợp với Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, các đoàn thể để phổ biến và tuyên truyền vận động người bị thu hồi nhà, đất chấp hành quyết định thu hồi đất của Nhà nước.

2. Xác định tình trạng pháp lý nhà, đất bị thu hồi.

3. Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt.

4. Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và điểm dân cư các văn bản pháp lý liên quan, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Nghiên cứu, đề xuất kịp thời với Ủy ban nhân dân quận, huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những vướng mắc trong áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở phù hợp thực tế và đúng pháp luật.

2. Có trách nhiệm yêu cầu các cơ quan liên quan có văn bản xác nhận đối với từng chủ sử dụng nhà, đất để có cơ sở pháp lý lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

3. Có trách nhiệm áp dụng đầy đủ, theo đúng chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Kịp thời báo cáo Hội đồng Thẩm định thành phố những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 28. Trách nhiệm của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố, Trung tâm Phát triển Quỹ đất quận, huyện.

Là đơn vị giúp việc cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư, có trách nhiệm như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ về dự án, quy hoạch, mốc giới, phạm vi giải phóng mặt bằng của các Chủ đầu tư dự án.

2. Lập hồ sơ pháp lý về thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch.

3. Xây dựng chi tiết kế hoạch, tiến độ giải phóng mặt bằng ngay khi có thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền để trình Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt.

4. Liên hệ với Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường để chuẩn bị quỹ nhà, quỹ đất tái định cư thực hiện dự án.

5. Lập và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện trích chuyển cho các đơn vị theo quy định.

6. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi, chủ đầu tư dự án để tổ chức công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định hiện hành; đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và kinh phí cho việc tổ chức thực hiện.

7. Hoàn thiện hồ sơ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thông qua Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

8. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư dự án tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư và nhận bàn giao mặt bằng; trường hợp hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp ngân sách Nhà nước thì khấu trừ số tiền phải nộp ngân sách Nhà nước vào tiền bồi thường, hỗ trợ và thay mặt hộ gia đình, cá nhân kê khai nộp tiền vào ngân sách Nhà nước

Điều 29. Trách nhiệm của các sở, ngành thành phố và các đơn vị có liên quan

1. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết vướng mắc của Ủy ban nhân dân quận, huyện trong áp dụng chính sách giá đất; phối hợp với Sở Xây dựng trong việc xây dựng đơn giá công trình, vật kiến trúc, giá bán nhà tái định cư.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan giải quyết vướng mắc trong xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại; chi phí hỗ trợ thuê trụ sở, nhà xưởng cho tổ chức theo quy định.

c) Hướng dẫn việc phân bổ và kiểm tra việc thực hiện quyết toán sử dụng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các quy định hiện hành.

d) Chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố, Sở Tài nguyên Môi trường và các sở, ngành có liên quan giải quyết những vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người bị thu hồi đất đối với Nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Công bố và cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các dự án.

b) Chủ trì cùng các ngành liên quan xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư trình Ủy ban nhân dân thành phố về bố trí quỹ đất tái định cư phục vụ nhu cầu tái định cư của các dự án.

c) Chủ trì cùng Ủy ban nhân dân quận, huyện, Sở Xây dựng cân đối quỹ đất tái định cư, trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí quỹ đất tái định cư cho các dự án.

d) Thực hiện và kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định hiện hành đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

đ) Hướng dẫn giải quyết các vướng mắc về đất đai, việc lập và hoàn chỉnh hồ sơ để xin giao đất, thuê đất đối với tổ chức phải di chuyển đến địa điểm mới khi bị thu hồi đất.

e) Làm thủ tục và hướng dẫn việc đăng ký biến động về đất, nhà, các công trình trong hành lang bảo vệ công trình làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ.

3. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn việc xác định quy mô, diện tích, tính chất hợp pháp, không hợp pháp của các công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng.

b) Xác định giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xác định vị trí quy mô khu tái định cư cho phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thẩm định dự toán chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật, giải quyết đối với các công trình cấp, thoát nước.

đ) Giải quyết các nội dung vướng mắc liên quan đến việc thu hồi nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân.

e) Hướng dẫn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải quyết những vướng mắc trong xác định mức bồi thường nhà, công trình, vật kiến trúc, mồ mả.

g) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối và điều chỉnh nguồn vốn ngân sách đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

5. Cục Thuế thành phố:

a) Chỉ đạo Chi cục Thuế quận, huyện xác định mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Hướng dẫn hoặc chủ trì giải quyết các vướng mắc liên quan đến nghĩa vụ thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

6. Thanh tra thành phố:

Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân quận, huyện, các sở, ngành có liên quan trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Xác định giá cây trồng, vật nuôi để tính bồi thường, hỗ trợ, biện pháp hỗ trợ sản xuất để ổn định sản xuất và đời sống tại khu tái định cư để tính bồi thường trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Hướng dẫn xác định quy mô, diện tích, mật độ cây trồng, vật nuôi để tính toán bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng.

c) Thẩm định dự toán đối với công trình thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư nghiệp.

8. Sở Công Thương:

Thẩm định dự toán chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật, giải quyết đối với các công trình điện, hệ thống dây chuyền sản xuất và các công trình thuộc phạm vi quản lý.

9. Sở Giao thông vận tải:

Thẩm định dự toán chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật, giải quyết đối với các công trình giao thông, cầu, đường và các công trình thuộc phạm vi quản lý.

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

Thẩm định dự toán chi phí di dời, lắp đặt và xây dựng lại đối với công trình công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, các công trình hạ tầng kỹ thuật, giải quyết đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hướng dẫn việc xác định chế độ trợ cấp ngừng việc để bồi thường cho người lao động do ngừng việc của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có thuê lao động theo hợp đồng lao động bị ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc đào tạo chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp.

12. Hội đồng Thẩm định Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố:

a) Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn thành phố.

b) Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

13. Các sở, ngành khác:

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý Nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

14. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án: (Trường hợp xác định Chủ đầu tư trước khi thu hồi đất)

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án và quy hoạch được duyệt theo quy định và bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho chính quyền địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất, xây dựng Kế hoạch thu hồi đất báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và kinh phí cho tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Phối hợp cùng với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi thu hồi đất trả lời các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Các quy định trước đây có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trái với nội dung Quy định này đều không còn hiệu lực thi hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.